

Số: 20/2013/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách
cấp thành phố Hà Nội năm 2014

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 08
(Từ ngày 02/12 đến ngày 06/12/2013)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25/6/2013 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-TTg ngày 15/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; Quyết định số 2986/QĐ-BTC ngày 30/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2014;

Xét Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 15/11/2013 của UBND Thành phố về đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2013, dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2014; Báo cáo bổ sung số 215/BC-UBND ngày 01/12/2013 của UBND Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND Thành phố và ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2014 với những nội dung chính như sau:

1. Dự toán thu ngân sách thành phố Hà Nội năm 2014

a. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 126.214.000 triệu đồng (Một trăm hai mươi sáu ngàn, hai trăm mười bốn tỷ đồng); không bao gồm các khoản thu quản lý qua ngân sách theo quy định của Trung ương.

Trong đó:

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 11.114.000 triệu đồng (Mười một ngàn, một trăm mười bốn tỷ đồng);

- Thu nội địa: 110.200.000 triệu đồng (Một trăm mười ngàn, hai trăm tỷ đồng);

- Thu từ dầu thô: 4.900.000 triệu đồng (Bốn ngàn, chín trăm tỷ đồng).

(Kèm theo phụ lục số 01 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2014).

b. Tổng thu ngân sách địa phương: 46.488.878 triệu đồng (Bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi tám tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu đồng).

- Thu sau điều tiết: 45.742.070 triệu đồng (Bốn mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi hai tỷ, bảy mươi triệu đồng).

- Thu ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 746.808 triệu đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu tỷ, tám trăm linh tám triệu đồng).

c. Tổng thu các khoản quản lý qua ngân sách: 4.246.237 triệu đồng (Bốn ngàn, hai trăm bốn mươi sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2014:

Tổng chi ngân sách địa phương: 46.488.878 triệu đồng (Bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi tám tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu đồng); gồm: Chi đầu tư phát triển 17.702.050 triệu đồng (trong đó: chi giáo dục đào tạo 2.886.000 triệu đồng; chi khoa học công nghệ 255.700 triệu đồng); Chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động 995.950 triệu đồng; Chi thường xuyên 26.862.578 triệu đồng (trong đó: chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 7.584.659 triệu đồng; chi sự nghiệp khoa học công nghệ 254.090 triệu đồng); Dự phòng ngân sách 917.840 triệu đồng; Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương 10.460 triệu đồng, được phân bổ như sau:

a. Tổng chi ngân sách cấp Thành phố: 36.666.984 triệu đồng, bao gồm:

- Số bổ sung từ ngân sách thành phố cho các quận, huyện, thị xã: 10.827.899 triệu đồng, bao gồm: bổ sung cân đối: 7.301.520 triệu đồng, hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 590.000 triệu đồng, bổ sung vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và thành phố: 923.584 triệu đồng, chi thường xuyên (bao gồm cả kinh phí cải cách tiền lương): 2.012.795 triệu đồng.

- Chi ngân sách cấp Thành phố trực tiếp quản lý: 25.839.085 triệu đồng; Trong đó: chi đầu tư phát triển là 10.496.800 triệu đồng; chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động: 995.950 triệu đồng; chi thường xuyên: 13.698.291 triệu đồng; dự phòng ngân sách: 637.584 triệu đồng; bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 10.460 triệu đồng.

b. Tổng số chi các quận, huyện, thị xã (gồm cả xã, phường, thị trấn): 20.649.793 triệu đồng (bao gồm chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu và nhiệm vụ khác từ ngân sách Thành phố: 3.526.379 triệu đồng).

c. Tổng số chi các khoản quản lý qua ngân sách: 4.246.237 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục số 02 về cân đối thu, chi ngân sách địa phương; phụ lục số 03 về dự toán chi ngân sách địa phương; phụ lục số 04 về chi ngân sách cấp Thành phố và chi ngân sách cấp quận, huyện; phụ lục số 05 về dự toán ngân sách cấp Thành phố theo lĩnh vực; phụ lục số 06 về cân đối thu chi ngân sách quận, huyện, thị xã; phụ lục số 07 về tổng hợp dự toán chi ngân sách các quận, huyện, thị xã).

Điều 2. Thống nhất chủ trương phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô giai đoạn 2014-2015 huy động 5.000 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn đẩy nhanh tiến độ

đầu tư các công trình trọng điểm của Thành phố. Giao UBND Thành phố xây dựng Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định, thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố và Bộ Tài chính để triển khai thực hiện, đảm bảo yêu cầu tính toán thời điểm, lượng phát hành trái phiếu từng năm để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động đầu tư, không dồn việc trả nợ quá lớn cho thời kỳ sau.

Điều 3. Thông qua các mục tiêu, nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2014 do UBND Thành phố trình, trong đó nhấn mạnh một số nguyên tắc, giải pháp điều hành ngân sách như sau:

1. Về thu ngân sách: Tập trung thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đấu giá các diện tích nhà, đất dôi dư để tăng nguồn thu cho ngân sách; xử lý dứt điểm các tồn tại về thu tiền sử dụng đất, về đấu giá quyền sử dụng đất còn tồn đọng; tập trung thu hồi các khoản nợ ngân sách (nhất là các khoản nợ có khả năng thu); rà soát, xử lý nộp ngân sách các khoản tạm thu theo quy định.

2. Về chi ngân sách: Thực hiện triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm các khoản chi không cần thiết; thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiểm soát chặt chẽ chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên. Tăng cường quản lý đối với hoạt động của các quỹ tài chính Thành phố, các khoản thu để lại cho đơn vị thực hiện để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Có cơ chế thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả khoản kinh phí hỗ trợ bình ổn giá.

- Ngân sách các cấp không bố trí kinh phí cho các nội dung sau: đi đào tạo, tham quan, học tập ngoài nước (trừ các đoàn theo kế hoạch công tác đối ngoại của Thành phố); tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn tại tỉnh ngoài; mua xe ô tô theo chức danh, xe chuyên dùng (ngoài xe phòng cháy chữa cháy, xe cứu thương, xe tang); mua trang thiết bị đắt tiền hoặc chưa thật sự cần thiết (điều hòa nhiệt độ, thiết bị văn phòng...).

- Đẩy mạnh việc xã hội hóa đầu tư các công trình công cộng có thu phí, có khả năng hoàn vốn trên cơ sở xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ và xem xét tăng giá dịch vụ đảm bảo bù đắp chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ. Rà soát lại các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá không phù hợp với thực tế, vượt quá khả năng đảm bảo của ngân sách nhà nước; triển khai tốt Nghị định số 130/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai giao dự toán và chấp hành dự toán của các quận, huyện, thị xã và các sở, ngành thuộc Thành phố, nhất là việc bố trí trả nợ xây dựng cơ bản của các quận, huyện, thị xã theo đúng chỉ đạo của Thành phố. Đảm bảo cơ bản hoàn thành trong năm 2014 và hoàn thành trả nợ XDCB ở tất cả các cấp trong năm 2015. Không để phát sinh nợ XDCB mới.

- Các cấp ngân sách điều hành dự toán chi theo tiến độ thực hiện và khả năng thu ngân sách. Bám sát tình hình thực hiện thu ngân sách, kịp thời điều chỉnh kế hoạch khi xảy ra giảm thu ngân sách lớn, ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Thực hiện cơ chế thưởng cho ngân sách các quận, huyện, thị xã 30% số thu thuế, phí, lệ phí (đối với các khoản thu phân cấp cho quận, huyện, thị xã quản lý) tăng thêm so với dự toán năm 2014 và số thực hiện năm 2013 nộp về ngân sách Thành phố (trong trường hợp ngân sách Thành phố có tăng thu).

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

2. Giao UBND Thành phố:

- Triển khai giao kế hoạch dự toán ngân sách cho các đơn vị đúng quy định. Đối với các khoản chưa phân bổ theo đầu mối, UBND Thành phố xây dựng phương án, thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố phân bổ, giao cho các đơn vị trong quý I/2014; riêng vốn sự nghiệp khoa học công nghệ chỉ cho các đề tài, dự án mới, UBND Thành phố rà soát, thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố phân bổ trong tháng 12/2013.

- Không phê duyệt dự án, không khởi công dự án khi chưa xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thực hiện dự án. Chỉ tổ chức đấu thầu xây lắp khi đã có mặt bằng thi công. Đối với các khoản chi hỗ trợ ngành dọc và hỗ trợ các địa phương chưa phân bổ chi tiết, UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố nội dung cụ thể trước khi thực hiện theo nguyên tắc đã được HĐND thông qua và không bố trí, không phân bổ dự toán các khoản chi chưa được HĐND thông nhất về chế độ, định mức chi.

- Kịp thời lập phương án sử dụng các nguồn tăng thu, thường vượt thu trong năm để trình HĐND hoặc Thường trực HĐND Thành phố giữa 2 kỳ họp quyết định theo nguyên tắc: phân bổ tập trung cho công trình, dự án trọng điểm và những nhiệm vụ quan trọng, đột xuất, bức xúc mới phát sinh; lập phương án điều chỉnh dự toán (nếu có), thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố xem xét quyết định và báo cáo lại với HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND thành phố Hà Nội khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, Nội vụ, Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TPHN;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Các vị Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, Các Ban Đảng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành Thành phố có liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT. *h*

CHỦ TỊCH



Ngô Thị Doãn Thanh



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2014
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 03/12/2013 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2014
A	TỔNG THU NSNN	126.214.000
I	Thu từ hoạt động XNK	11.114.000
1	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng nhập khẩu	3.114.000
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	8.000.000
II	Thu dầu thô	4.900.000
III	Thu nội địa	110.200.000
1	Khu vực DNNN Trung ương	47.710.000
2	Khu vực DNNN địa phương	1.700.000
3	Khu vực DN có vốn ĐTNN	15.510.000
4	Khu vực CTN và dịch vụ NQD	13.850.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	9.000.000
6	Thu tiền sử dụng đất	11.000.000
7	Thuế SD đất phi nông nghiệp	300.000
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.200.000
9	Thu tiền bán, thuê nhà, KHCB nhà thuộc SHNN	200.000
10	Thuế bảo vệ môi trường	1.400.000
11	Lệ phí trước bạ	2.300.000
12	Phí - lệ phí tính cân đối ngân sách	4.600.000
	- Phí, lệ phí trung ương	4.280.000
	- Phí, lệ phí địa phương	320.000
13	Thu khác ngân sách tính cân đối	1.300.000
14	Thu cố định tại xã	130.000
B	THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	4.246.237





**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 03/12/2013 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2014
	TỔNG SỐ	46.488.878
I	Chi đầu tư phát triển	17.702.050
1	Chi đầu tư XDCB	17.462.050
	<i>Tr. đó: - SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2.886.000</i>
	<i>- SN khoa học và công nghệ</i>	<i>255.700</i>
1.1	Chi XDCB trong nước	17.153.050
	Nguồn vốn tập trung	7.000.000
	Nguồn tiền sử dụng đất (sau khi đã bố trí cho các nhiệm vụ tại điểm 2,3,4- mục I và mục II)	9.779.050
	NSTW bổ sung có mục tiêu	374.000
1.2	Chi XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước	309.000
2	Bổ sung vốn cho các Quỹ ⁽¹⁾	30.000
3	Đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp (bao gồm hỗ trợ lãi suất cho các dự án XHH, điện nông thôn...)	70.000
4	Đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất	140.000
	Cấp lại tiền bán nhà cho Bộ Quốc phòng để đầu tư nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ	40.000
	Cấp lại tiền đấu giá đất cho các xã thực hiện chương trình nông thôn mới	100.000
II	Chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động từ nguồn thu tiền sử dụng đất	995.950
1	Chi trả nợ (lãi, gốc) đến hạn	500.500
	Trả lãi trái phiếu	435.000
	Trả nợ vay dự án phát triển CNTT HN - VN4116	3.000
	Trả nợ vay kiên cố hóa kênh mương	62.500
2	Hoàn trả các khoản huy động	495.450
	Trả nhà thầu Áo (chi phí bồi hoàn DA nước Hồ Tây)	63.000
	Hoàn trả chủ đầu tư (dự án Khách sạn Hoa Sen HN)	118.000
	Hoàn trả nguồn huy động của Tài khoản quản lý nguồn thu từ sắp xếp cơ sở nhà đất theo Quyết định số 09/QĐ-TTg	314.450
III	Chi hoạt động sự nghiệp thường xuyên	26.862.578
	<i>Trong đó: NSTW bổ sung có mục tiêu</i>	<i>63.808</i>
1	Chi trợ giá	1.130.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế	4.529.395
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề ⁽²⁾	7.584.659
4	Chi sự nghiệp y tế và dân số KHH gia đình	2.644.461
5	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	254.090
6	Chi sự nghiệp môi trường	1.808.988
7	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	545.816
8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	58.862
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao, du lịch	528.439

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2014
10	Chi đảm bảo xã hội	2.052.410
11	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	3.924.817
12	Chi an ninh	383.590
13	Chi quốc phòng	553.184
14	Chi khác	313.467
15	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	550.401
IV	Dự phòng ngân sách	917.840
V	Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính	10.460

Ghi chú: (1) Dự toán năm 2014 bổ sung vốn điều lệ Quỹ Bảo vệ Môi trường 30 tỷ đồng

(2) Chi sự nghiệp giáo dục chưa bao gồm chi từ nguồn cải cách tiền lương để thực hiện mức lương cơ bản 1.150.000 đồng (khoảng 620 tỷ đồng)



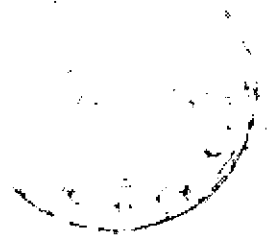
Phụ lục số 03

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 03/12/2013 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2014
I	Thu NSNN trên địa bàn	126.214.000
1	Thu từ hoạt động XNK	11.114.000
2	Thu dầu thô	4.900.000
3	Thu nội địa	110.200.000
II	Thu ngân sách địa phương	46.488.878
1	Thu sau điều tiết	45.742.070
	<i>Trong đó tiền sử dụng đất</i>	<i>11.000.000</i>
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	746.808
	- Bổ sung cân đối	
	- Bổ sung có mục tiêu	746.808
	+ Đầu tư	682.000
	+ Thực hiện CTMT quốc gia	54.578
	+ Nhiệm vụ khác	10.230
III	Chi ngân sách địa phương	46.488.878
1	Chi đầu tư phát triển	17.702.050
2	Chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động	995.950
3	Chi thường xuyên	26.862.578
	<i>Trong đó: Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>550.401</i>
4	Dự phòng ngân sách	917.840
5	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460
IV	Chênh lệch thu, chi	0

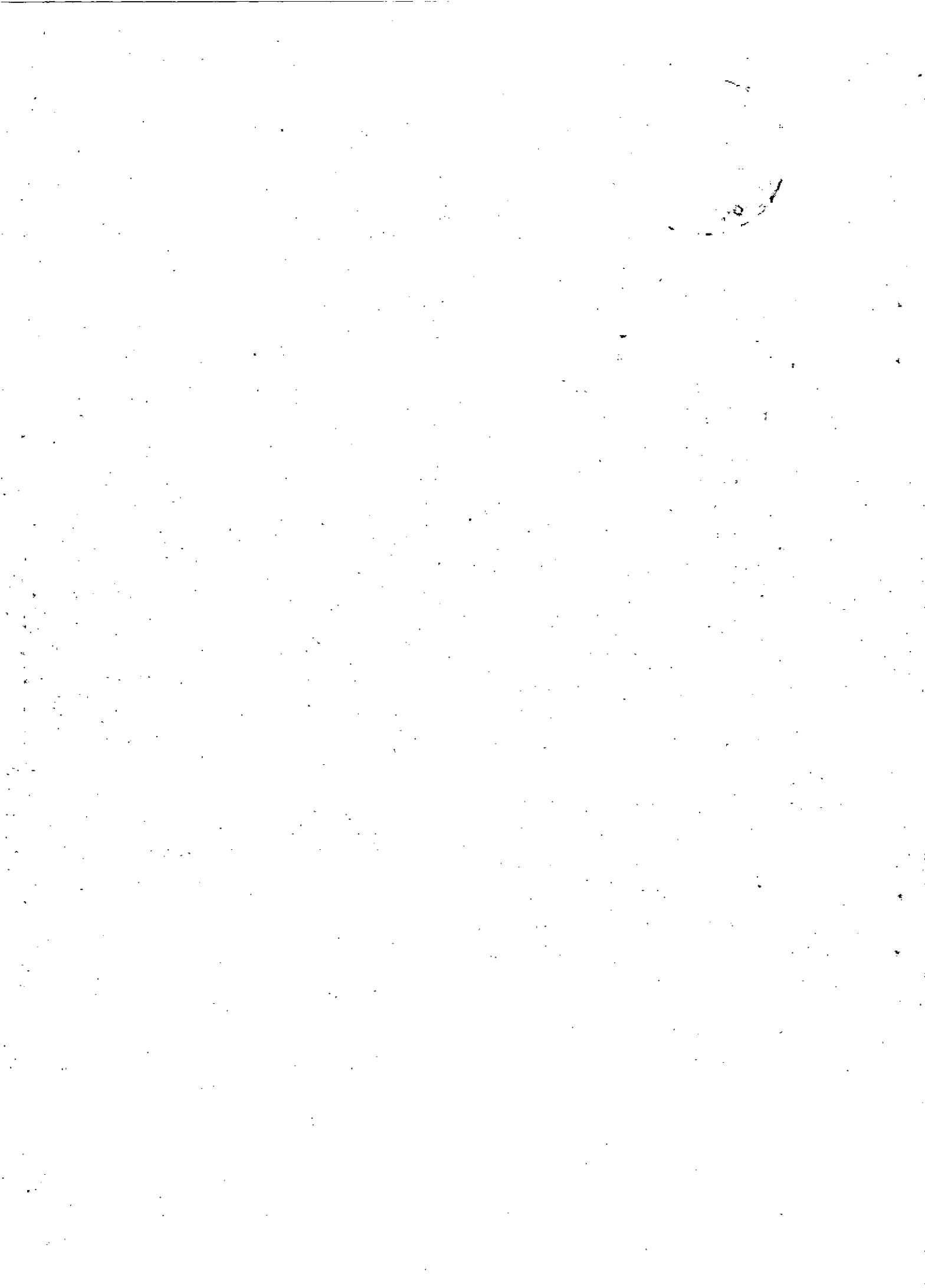


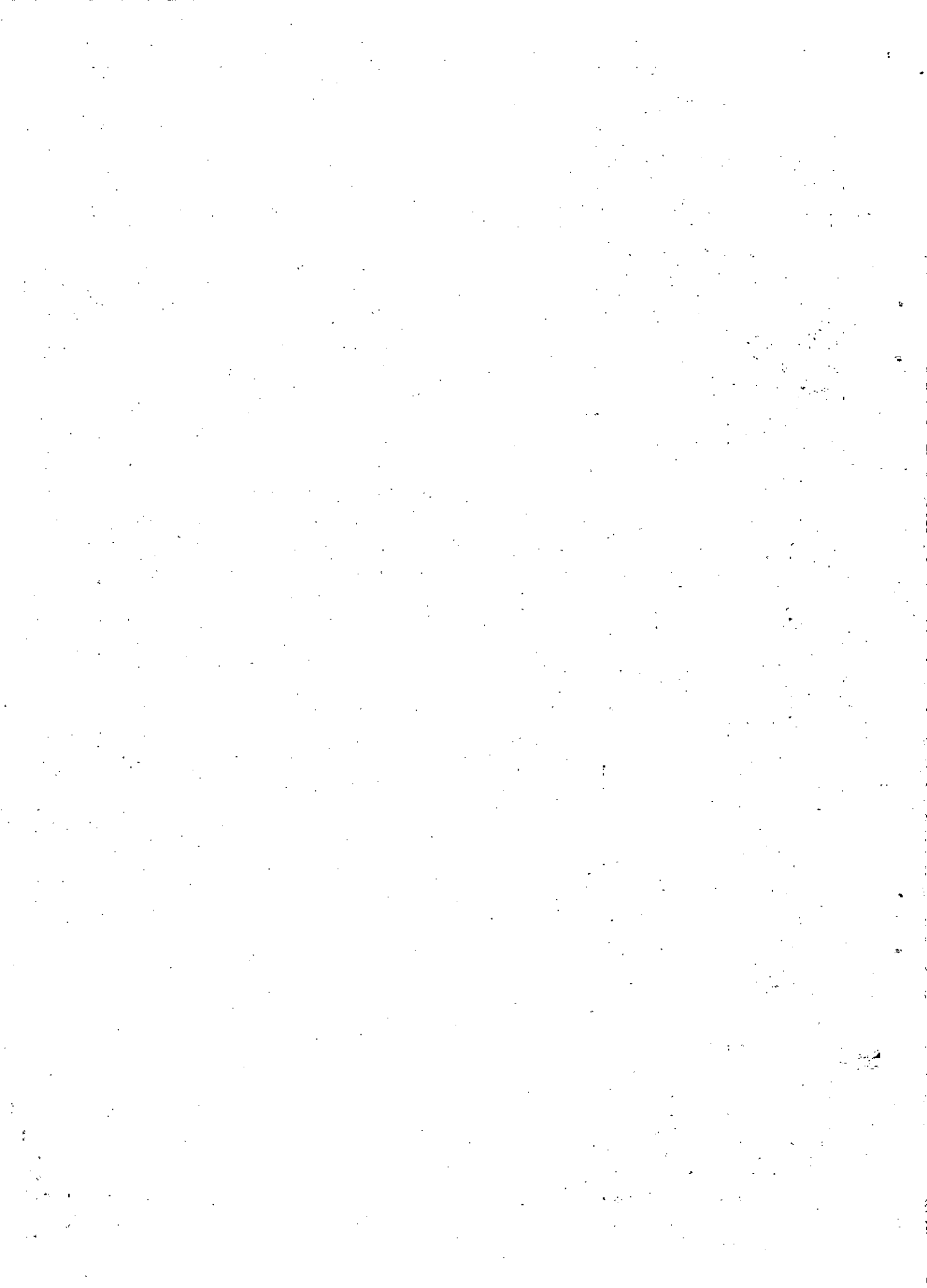


CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2014
(Kèm theo Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 03/12/2013 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Chi ngân sách địa phương	Ngân sách cấp Thành phố	Ngân sách cấp quận huyện (gồm cả cấp xã phường)
	Chi cân đối ngân sách địa phương	46.488.878	29.365.464	20.649.793
I	Chi đầu tư phát triển	17.702.050	11.953.000	5.749.050
1	Chi đầu tư XDCB	17.462.050	11.713.000	5.749.050
a	Chi XDCB trong nước	17.153.050	11.404.000	5.749.050
	<i>Tr.đó: Bổ sung có mục tiêu cho NSQHTX</i>		1.456.200	
	- Nguồn tập trung	7.000.000	4.361.510	2.638.490
	- Nguồn tiền sử dụng đất	9.779.050	6.668.490	3.110.560
	- Nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên	374.000	374.000	
b	Bổ sung có mục tiêu vốn XDCB từ nguồn vốn ngoài nước	309.000	309.000	
2	Bổ sung vốn cho các Quỹ	30.000	30.000	
3	Đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	70.000	70.000	
4	Đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất	140.000	140.000	
II	Chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động từ nguồn thu tiền sử dụng đất	995.950	995.950	
1	Chi trả nợ (lãi, gốc) đến hạn	500.500	500.500	
2	Hoàn trả các khoản huy động	495.450	495.450	
3	Chi thường xuyên	26.862.578	15.768.470	11.094.108
	<i>Tr.đó: + Bổ sung có mục tiêu cho NSQHTX</i>		2.070.179	
	+ Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố	336.708	336.708	
4	Dự phòng ngân sách	917.840	637.584	280.256
5	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460	10.460	
6	Chi từ nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu			3.526.379







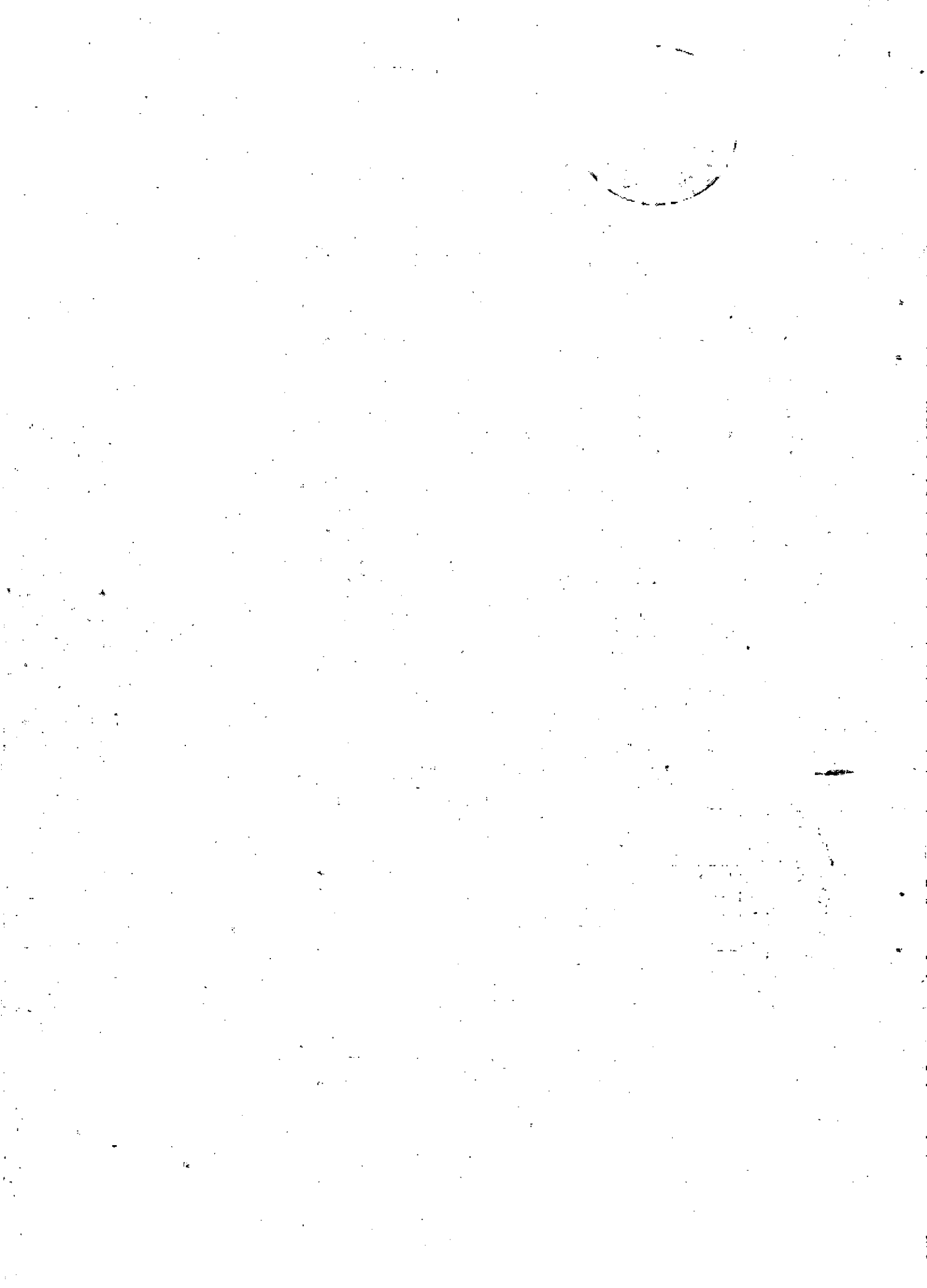
Phụ lục số 06

CÂN ĐỐI THU - CHI NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2014
 (Kèm theo Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 03/12/2013 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên quận, huyện	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tổng chi cân đối ngân sách quận huyện (1)	Cân đối thu, chi	
				Thu NSQH hưởng sau điều tiết	Bổ sung cân đối từ NSTP
A	B	1	2	3	4 = 2-3
	Tổng số	27.608.630	17.123.414	9.821.894	7.301.520
1	Quận Hoàn Kiếm	2.726.000	655.755	655.755	
2	Quận Ba Đình	2.404.000	492.938	492.938	
3	Quận Đống Đa	2.095.000	545.413	545.413	
4	Quận Hai Bà Trưng	3.132.300	787.128	787.128	
5	Quận Thanh Xuân	1.996.000	572.743	572.743	
6	Quận Tây Hồ	579.000	411.218	345.747	65.471
7	Quận Cầu Giấy	2.210.000	559.521	559.521	
8	Quận Hoàng Mai	1.350.000	658.455	637.495	20.960
9	Quận Long Biên	3.093.000	1.280.623	1.210.892	69.731
10	Thị xã Sơn Tây	194.000	441.515	103.999	337.516
11	Quận Hà Đông	981.900	677.052	477.974	199.078
12	Huyện Thanh Trì	766.200	715.847	434.343	281.504
13	Huyện Gia Lâm	449.500	633.332	284.352	348.980
14	Huyện Sóc Sơn	197.200	598.100	115.379	482.721
15	Huyện Đông Anh	599.830	765.196	360.122	405.074
16	Huyện Từ Liêm	2.622.000	982.686	982.686	
17	Huyện Mê Linh	320.500	482.280	153.637	328.643
18	Huyện Quốc Oai	183.000	430.679	87.419	343.260
19	Huyện Chương Mỹ	261.000	595.436	142.070	453.366
20	Huyện Thanh Oai	133.000	460.795	78.741	382.054
21	Huyện Ứng Hòa	77.000	508.503	54.878	453.625
22	Huyện Mỹ Đức	145.000	523.717	115.432	408.285
23	Huyện Thường Tín	109.000	497.782	75.933	421.849
24	Huyện Phú Xuyên	87.000	510.112	64.247	445.865
25	Huyện Ba Vì	72.000	576.622	45.326	531.296
26	Huyện Phúc Thọ	97.000	429.117	60.634	368.483
27	Huyện Thạch Thất	114.200	454.166	71.763	382.403
28	Huyện Đan Phượng	273.000	424.019	128.311	295.708
29	Huyện Hoài Đức	341.000	452.664	177.016	275.648

Ghi chú: Bao gồm nhiệm vụ chi cho lực lượng thanh tra xây dựng quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn sẽ thực hiện điều chuyển về ngân sách thành phố để đảm bảo nguồn cho thanh tra xây dựng hoạt động.



TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN HUYỆN XÃ PHƯỜNG NĂM 2014

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 03/12/2013 của HĐND Thành phố)



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên quận, huyện	Tổng số chi ngân sách quận, huyện xã phường	A. Tổng chi cân đối ngân sách cấp quận huyện xã phường	I. Chi đầu tư xây dựng cơ bản		II. Chi thường xuyên			III. Dự phòng ngân sách	IV. Dành nguồn cải cách tiền lương từ 50% tăng thu DT 2014 so với DT 2011	B. NSTP bổ sung mục tiêu và nhiệm vụ khác ⁽¹⁾							
				Tổng chi xây dựng cơ bản (1)	Trong đó: Chi đầu tư cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Tổng chi thường xuyên quận huyện xã phường (2)	Trong đó:				Tổng số	1. Tổng số bổ sung chi thường xuyên	Trong đó		2. Bổ sung vốn đầu tư XDCB	3. Bổ sung Chương trình mục tiêu quốc gia		
							20% tiết kiệm chi TX	2. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo					Bổ sung cho các QHTX thiếu nguồn thực hiện các chính sách chế độ mới ban hành trong thời kỳ 5 năm (2011, 2012, 2013) áp dụng trong năm 2014 sau khi đã bố trí thực hiện từ nguồn cân đối ngân sách, 10% TK thêm chi TX của quận huyện nhưng thiếu nguồn	Bổ sung nguồn thực hiện CC tiền lương 730.000 lên 1.150.000 cho QHTX thiếu nguồn (khoảng 50% số dự kiến bổ sung)		Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp (thường xuyên)
A	B	1=2+10	2=3+5+8+9	3	4	5	6	7	8	9	10=11+14+15	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17
	Tổng số	20.649.793	17.123.414	5.749.050	2.540.000	10.543.707	585.550	4.423.928	280.256	550.401	3.526.379	2.012.795	632.795	1.380.000	590.000	923.584	866.200	57.384
1	Hoàn Kiếm	655.755	655.755	267.800	118.000	344.670	27.916	142.409	12.259	31.026	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ba Đình	492.938	492.938	98.700	45.000	349.699	25.254	168.159	9.005	35.534	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đống Đa	558.009	545.413	121.400	54.000	407.495	25.078	184.858	9.926	6.592	12.596	12.596	12.596	0	0	0	0	0
4	Hai Bà Trưng	787.128	787.128	231.890	102.000	430.582	37.556	195.988	13.343	111.313	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thanh Xuân	577.528	572.743	253.300	112.000	270.252	15.874	94.429	7.835	41.356	4.785	4.785	4.785	0	0	0	0	0
6	Tây Hồ	480.526	411.218	175.700	78.000	226.544	11.606	75.053	6.170	2.804	69.308	69.308	56.708	12.600	0	0	0	0
7	Cầu Giấy	599.163	559.521	222.100	98.000	317.347	19.714	120.081	8.450	11.624	39.642	39.642	39.642	0	0	0	0	0
8	Hoàng Mai	672.055	658.455	240.000	106.000	388.419	21.104	133.154	10.209	19.827	13.600	13.600	13.600	0	0	0	0	0
9	Long Biên	1.280.623	1.280.623	825.500	353.000	389.229	24.416	153.293	10.992	54.902	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Sơn Tây	570.212	441.515	149.850	67.000	283.842	12.600	96.178	7.823	0	128.697	84.825	34.094	50.731	23.000	20.872	19.400	1.472
11	Hà Đông	677.052	677.052	158.300	70.000	432.318	27.884	152.334	11.981	74.453	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Thanh Trì	790.106	715.847	349.800	154.000	332.336	17.892	137.985	8.947	24.764	74.259	55.052	0	55.052	14.000	5.207	4.000	1.207
13	Gia Lâm	704.245	633.332	227.300	100.000	376.305	23.598	152.291	9.881	19.846	70.913	40.386	267	40.119	25.000	5.527	4.400	1.127
14	Sóc Sơn	882.210	598.100	108.700	50.000	477.742	23.180	220.058	11.562	96	284.110	151.249	47.060	104.189	55.000	77.861	73.000	4.861
15	Đông Anh	898.594	765.196	238.160	105.000	494.839	25.254	235.781	12.287	19.910	133.398	85.710	5.449	80.261	40.500	7.188	5.900	1.288
16	Từ Liêm	982.686	982.686	480.900	213.000	450.158	34.334	207.366	12.096	39.532	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Mê Linh	622.769	482.280	151.850	67.000	318.548	13.706	122.747	8.175	3.707	140.489	84.672	27.625	57.047	35.700	20.117	16.400	3.717
18	Quốc Oai	646.202	430.679	120.020	53.000	302.897	14.746	136.287	7.762	0	215.523	119.112	43.453	75.659	26.700	69.711	65.000	4.711
19	Chương Mỹ	806.655	595.436	105.200	47.000	462.636	21.072	206.280	11.529	16.071	211.219	118.395	22.895	95.500	18.000	74.824	73.500	1.324
20	Thanh Oai	630.108	460.795	123.600	55.000	318.171	14.432	135.623	8.736	10.288	169.313	91.349	18.316	73.033	13.500	64.464	60.900	3.564
21	Ứng Hoà	705.484	508.503	104.300	47.000	390.014	17.590	167.260	9.820	4.369	196.981	117.252	27.445	89.807	38.000	41.729	37.100	4.629
22	Mỹ Đức	792.760	523.717	143.930	64.000	362.307	15.110	136.071	10.154	7.326	269.043	150.999	63.643	87.356	29.500	88.544	84.300	4.244
23	Thường Tín	654.944	497.782	97.200	45.000	386.970	17.480	162.604	9.656	3.956	157.162	103.609	18.229	85.380	23.500	30.053	26.400	3.653

STT	Tên quận, huyện	Tổng số chi ngân sách quận, huyện xã phường	A. Tổng chi cân đối ngân sách cấp quận huyện xã phường	I. Chi đầu tư xây dựng cơ bản		II. Chi thường xuyên			III. Dự phòng ngân sách	IV. Dành nguồn cải cách tiền lương từ 50% tăng thu DT 2014 so với DT 2011	B. NSTP bổ sung mục tiêu và nhiệm vụ khác ⁽²⁾							
				Tổng chi xây dựng cơ bản (1)	Trong đó: Chi đầu tư cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Tổng chi thường xuyên quận huyện xã phường (2)	Trong đó:				Tổng số	1. Tổng số bổ sung chi thường xuyên	Trong đó		2. Bổ sung vốn đầu tư XDCB	3. Bổ sung Chương trình mục tiêu quốc gia		
							20% tiết kiệm chi TX	2. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo					Bổ sung cho các QHTX thiếu nguồn thực hiện các chính sách chế độ mới ban hành trong thời kỳ ổn định (2011, 2012, 2013) áp dụng trong năm 2014 sau khi đã bố trí thực hiện từ nguồn cân đối ngân sách, 10% TK thêm chi TX của quận huyện nhưng thiếu nguồn	Bổ sung nguồn thực hiện CC tiền lương 730.000 lên 1.150.000 cho QHTX thiếu nguồn (khoảng 50% số dự kiến bổ sung)		Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp (thường xuyên)
A	B	1=2+10	2=3+5+8+9	3	4	5	6	7	8	9	10=11+14+15	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17
24	Phú Xuyên	711.829	510.112	115.000	51.000	382.130	17.694	172.004	9.622	3.360	201.717	109.992	19.499	90.493	21.000	70.725	66.000	4.725
25	Ba Vì	940.212	576.622	115.250	51.000	448.558	22.474	203.991	11.272	1.542	363.590	188.451	78.873	109.578	82.800	92.339	84.600	7.739
26	Phúc Thọ	576.158	429.117	111.650	50.000	307.915	14.478	126.489	7.962	1.590	147.041	93.789	21.165	72.624	23.500	29.752	26.900	2.852
27	Thạch Thất	643.025	454.166	103.800	45.000	341.803	16.990	146.937	8.563	0	188.859	94.075	26.406	67.669	63.300	31.484	26.800	4.684
28	Đan Phượng	525.446	424.019	156.300	70.000	256.328	12.000	108.101	6.778	4.613	101.427	78.622	15.197	63.425	22.000	805	0	805
29	Hoài Đức	599.371	452.664	151.550	70.000	293.653	14.518	130.117	7.461	0	146.707	105.325	35.848	69.477	35.000	6.382	5.600	782
30	KP CIMT sẽ phân bổ trong năm 2014	186.000	0								186.000					186.000	186.000	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm kinh phí để thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Trung ương

(2) Đã bao gồm: 10% tiết kiệm thêm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người) để thực hiện cải cách tiền lương; 10% tiết kiệm thêm để thực hiện chế độ, chính sách tăng thêm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2011-2013; nhiệm vụ chi cho lực lượng thanh tra xây dựng quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn sẽ thực hiện điều chuyển về ngân sách thành phố để đảm bảo nguồn cho thanh tra xây dựng hoạt động.